

Số: /BC-SCT

Tây Ninh, ngày tháng 01 năm 2025

## BÁO CÁO NHANH

**Tình hình thị trường, giá cả hàng hóa ngày 29 tháng 01 năm 2025  
(nhằm ngày Mùng 01, tháng Giêng năm Ất Ty)**

Kính gửi:

- Tỉnh ủy Tây Ninh;
- Bộ Công Thương;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-BCT ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công Thương về việc thực hiện các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường cuối năm 2024 và dịp Tết Nguyên đán Ất Ty 2025; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm đón Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm và Công văn số 170/UBND-TH ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức trực và báo cáo tình hình trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Ất Ty 2025, Sở Công Thương báo cáo như sau:

Hoạt động kinh doanh mua bán lúng lự, một số quầy, sạp ở chợ, cửa hàng mở cửa hoạt động khai trương ngày Mùng 01 Tết. Tại các khu du lịch và dọc trục lộ các tuyến đường phục vụ khách du lịch trong và ngoài tỉnh hoạt động buôn bán các mặt hàng ăn uống, hàng tiêu dùng, hoa, quả, trái cây, quà lưu niệm, ...

Nhìn chung thị trường hàng hóa tương đối bình ổn, không có hiện tượng khan hiếm, đầu cơ, găm hàng, đẩy giá tăng cao đột biến.

*(kèm theo Bảng báo giá cụ thể một số mặt hàng)*

Trên đây là báo cáo nhanh tình hình thị trường giá cả hàng hóa ngày 29 tháng 01 năm 2025 (nhằm ngày Mùng 01, tháng Giêng năm Ất Ty), Sở Công Thương Tây Ninh xin báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Thống kê;
- BGD Sở;
- Văn phòng Sở (đăng website);
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**BẢNG BÁO GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG**  
**Ngày 29/01/2025 (nhằm ngày Mùng 01 tháng Giêng năm Ất Tỵ)**  
*(kèm theo Báo cáo số ...../BC-SCT ngày 29 tháng 01 năm 2025*  
*của Sở Công Thương Tây Ninh)*

	<b>Mặt hàng</b>	<b>Đơn vị Tính</b>	<b>Giá bán lẻ (ĐVT: đồng)</b>	<b>So với giá ngày trước tăng (+), giảm (-)</b>
	<b>Giá bán lẻ</b>			
<b>A</b>	<b><i>Lương thực-thực phẩm</i></b>			
1	Gạo tẻ thường ( <i>ngắn ngày</i> )	Kg	17.000	
2	Gạo Tài nguyên loại 1	Kg	23.500	
3	Gạo Nàng thơm chợ đào	Kg	23.000	
4	Thịt heo (hơi)	Kg	68.000- 72.000	
5	Thịt heo đùi Thịt ba rọi	Kg	140.000 180.000	
6	Thịt ba rọi rút sườn Sườn non	Kg	230.000 200.000	
7	Thịt bò đùi	Kg	250.000	
8	Gà ta (hơi)	Kg	130.000	
9	Gà ta làm sẵn	Kg	140.000	
10	Tôm khô loại 1	Kg	1.400.000	
11	Khô mực loại 1	Kg	1.300.000	
12	Cá lóc đồng (3con/kg)	Kg	150.000	
13	Cá biển loại 1	Kg	69.000	
14	Dưa leo	Kg	32.000	
15	Bắp cải	Kg	22.000	
16	Cà chua	Kg	28.000	
17	Cà rốt Đà Lạt	Kg	25.000	
<b>B</b>	<b><i>Trái cây-Hoa</i></b>			
1	Quýt đường	Kg	55.000	
2	Bưởi da xanh	Kg	45.000	

	<b>Mặt hàng</b>	<b>Đơn vị Tính</b>	<b>Giá bán lẻ (ĐVT: đồng)</b>	<b>So với giá ngày trước tăng (+), giảm (-)</b>
3	Huệ trắng	chục	200.000	
4	Hoa vạn thọ	Cây	15.000	
<b>C</b>	<b><i>Nông sản-Thực phẩm công nghệ</i></b>			
1	Tiêu hạt (loại 1)	Kg	110.000	
2	Đậu phộng nhân	Kg	45.000	
3	Đậu xanh (có vỏ)	Kg	40.000	
4	Đậu xanh (không vỏ)	Kg	35.000	
5	Đường Bourbon Tây Ninh (đóng gói 1 kg)	Kg	26.000	
6	Sữa đặc Ông Thọ	hộp	25.000	
7	Bột ngọt (loại 454 gam)	Gói	35.000	
8	Bánh hộp thiếc Kinh Đô 600g	hộp	120.000	
<b>D</b>	<b><i>Đồ uống – Nước giải khát</i></b>			
1	Cocacola (lon) 235ml	Thùng	181.000	
2	Pepsi (lon)	Thùng	145.000	
3	Bia Heineken Silver 330ml	Thùng	452.000	
4	Bia 333	Thùng	274.000	
5	Bia Tiger	Thùng	346.000	
<b>E</b>	<b><i>Khí đốt, nhiên liệu</i></b>			
1	Gas bình 12 kg (VT-Gas)	Bình	474.000	
2	Xăng A95-III Xăng A95-V	Lít	21.140 21.730	
3	Xăng E5 A92	Lít	20.590	
4	Dầu hỏa (KO)	Lít	20.110	
5	Dầu DO 0,05%	Lít	20.190	